



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1671>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO TRẺ MẪU GIÁO Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Kim Ánh

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: tranthikimanh1812@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 27/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 16/10/2025; Ngày duyệt đăng: 23/10/2025

Tóm tắt

Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức, thái độ và hành vi đúng đắn về giới, giúp trẻ biết tự bảo vệ bản thân và phát triển toàn diện ngay từ những năm đầu đời. Trong bối cảnh xã hội hiện nay, khi các vấn đề liên quan đến giới và xâm hại trẻ em ngày càng gia tăng, việc quản lý hoạt động giáo dục giới tính trong các trường mầm non trở thành yêu cầu cấp thiết đối với ngành giáo dục. Nghiên cứu này tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm nhận diện những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phân tích, tổng hợp; mẫu khảo sát gồm 25 cán bộ quản lý và 95 giáo viên tại 09 trường mầm non công lập trên địa bàn. Kết quả cho thấy hoạt động quản lý giáo dục giới tính đã được triển khai ở nhiều khâu và đạt một số kết quả tích cực, song vẫn còn hạn chế về tính thực tiễn của kế hoạch, nội dung bồi dưỡng và sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để các cơ sở giáo dục mầm non tham khảo, từ đó có thể đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ trong thời gian tới.

Từ khóa: *Hoạt động giáo dục giới tính, quản lý, trẻ mẫu giáo, trường mầm non.*

Trích dẫn: Trần, T. K. Á. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(05S), 349-360. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1671>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF SEX EDUCATION ACTIVITIES FOR PRESCHOOL CHILDREN IN PUBLIC KINDERGARTENS IN BINH CHANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Tran Thi Kim Anh

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: tranthikimanh1812@gmail.com

Article history

Received: 27/9/2025; Received in revised form: 16/10/2025; Accepted: 23/10/2025

Abstract

Sex education for preschool children plays an important role in forming awareness, attitudes and correct behaviors about gender, helping children know how to protect themselves and develop comprehensively from the early years of life. Given that issues related to gender and child abuse are increasing, managing sex education activities in preschools has become an urgent requirement for the education sector. This study focuses on surveying and evaluating the current sex education management for preschool children at public preschools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City. It aims to identify advantages, limitations and causes. The study uses a questionnaire survey method combined with analysis and synthesis; the survey sample includes 25 managers and 95 teachers at 09 public preschools in the area. The results show that sex education management activities have been implemented in many stages and achieved some positive results, but there are still limitations in the practicality of the plan, training content and coordination between schools and parents. The research results provide an important practical basis for preschool education institutions to apply measures to improve the effectiveness of sex education management activities for children in the coming time.

Keywords: *Management, preschool children, preschool, sex education activities.*

1. Đặt vấn đề

Lứa tuổi mầm non là giai đoạn nền tảng hình thành nhân cách, nhận thức và hành vi xã hội của trẻ. Ở giai đoạn này, trẻ thường tò mò, thích khám phá, dễ bắt chước người lớn nhưng lại chưa đủ khả năng phân biệt đúng – sai, phù hợp hay không phù hợp trong hành vi (Dương, 2011). Nếu không được định hướng và giáo dục giới tính kịp thời, trẻ có thể tiếp thu những hành vi lệch chuẩn, thậm chí trở thành nạn nhân của các hành vi xâm hại. Giáo dục giới tính vì thế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp trẻ hình thành hiểu biết ban đầu về giới, biết tôn trọng bản thân và người khác, đồng thời góp phần phát triển nhân cách toàn diện (Bùi, 2006; Bùi & cs., 2010).

Trong bối cảnh hiện nay, tình trạng xâm hại trẻ em có xu hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ tinh vi. Nguyên nhân xuất phát từ nhiều phía: cha mẹ thiếu thời gian gần gũi con cái, trẻ thiếu kỹ năng tự bảo vệ, giáo dục giới tính trong nhà trường còn hạn chế, và nhận thức xã hội về vấn đề này vẫn chưa đầy đủ (Trương, 2019; Nguyễn, 2009). Nhiều vụ việc xâm hại diễn ra dưới hình thức dụ dỗ, đe dọa, lợi dụng vật chất hoặc hình ảnh khiêu dâm, khiến trẻ bị cuốn vào mà không nhận thức được nguy hiểm, để lại tổn thương cả về thể chất lẫn tâm lý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của trẻ.

Nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (Quốc hội, 2004) và Luật Trẻ em năm 2016 (Quốc hội, 2016), trong đó quy định nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phối hợp giáo dục trẻ, bao gồm cả nội dung giáo dục giới tính và kỹ năng sống phù hợp độ tuổi. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác giáo dục giới tính trong các trường mầm non vẫn còn nhiều hạn chế. Tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, một số trường chưa triển khai chương trình giáo dục giới tính chính thức như bộ “ERA – Kỹ năng phòng tránh xâm hại dành cho trẻ 3–5 tuổi” (Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục, 2019). Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) chưa được thực hiện thường xuyên, tài liệu thiếu tính hệ thống và chưa phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ sở (Phạm, 2014).

Những bất cập trên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả triển khai hoạt động giáo dục giới tính trong trường mầm non. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh là yêu cầu cấp thiết, nhằm nhận diện rõ những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn để các trường đề xuất các biện pháp phù hợp, góp phần bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong môi trường học đường an toàn, lành mạnh.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- **Mục đích khảo sát:** Nhằm làm rõ thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non công lập trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Nội dung khảo sát:** Phân tích, đánh giá hiệu quả công tác quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận chức năng quản lý gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá.

- **Khách thể khảo sát:** Đã tiến hành khảo sát 120 người gồm 25 CBQL và 95 GV đang công tác tại 09 trường mầm non công lập trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Stt	Tên trường mầmnon	CBQL	GV
1	Trường Mầm non Vàng Anh	3	10
2	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý	3	10
3	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 2	2	10
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	3	10
5	Trường Mầm non Hoa Thên Lý 1	3	10
6	Trường Mầm non Quỳnh Hương	3	15
7	Trường Mầm non Hoa Sen	3	10
8	Trường Mầm non Baby	3	10
9	Trường Mầm non Quỳnh Hương 2	2	10
Tổng cộng		25	95

- **Công cụ khảo sát:** Chúng tôi thiết kế phiếu điều tra bằng bảng hỏi theo Likert 4 mức độ, điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 4 để khảo sát ý kiến của CBQL và GV mầm non.

- **Cách thức xử lý số liệu:** Kết quả khảo sát đã được tác giả sử dụng bảng tính Microsoft Excel Data Analysis để tính số lượng (SL), tỉ lệ (%) và điểm trung bình (ĐTB) và xếp hạng (XH) (Nguyễn & Phạm, 2013). Giá trị khoảng cách giữa các ĐTB là 0,75 theo công thức:

$$\bar{x} = \frac{1}{n} \sum_{i=0}^n x_i$$

Mỗi tiêu chí trong bảng hỏi được quy định theo thang điểm bốn mức độ:

Mức độ 1: $1,00 \leq \bar{x} \leq 1,75$: Yếu; Mức độ 2: $1,75 < \bar{x} \leq 2,50$: Trung bình; Mức độ : $2,50 < \bar{x} \leq 3,25$: Khá; Mức độ 4: $3,25 < \bar{x} \leq 4,00$: Tốt

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng kế hoạch hóa của hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Nhằm đánh giá thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục giới tính của các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, tác giả khảo sát 120 CBQL và GV, kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng kế hoạch hóa của hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Kế hoạch giáo dục giới tính được xây dựng riêng dựa trên phân tích thực trạng giáo dục giới tính của nhà trường	26	21,67	30	34,17	36	20,83	28	23,33	2,55	1

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
2	Kế hoạch giáo dục giới tính được xây dựng tích hợp với kế hoạch giáo dục chung của toàn trường, của tổ chuyên môn, của GV	24	22,50	34	25,00	38	35,83	24	16,67	2,52	2
3	Kế hoạch góp phần liên kết được mối quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức, kiểm tra, đánh giá	23	22,50	35	35,83	40	19,17	22	22,50	2,51	3
4	Kế hoạch giáo dục giới tính được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý chỉ đạo của cấp trên	26	19,17	41	29,17	25	33,33	28	18,33	2,46	5
5	Kế hoạch hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non phải bao hàm và thể hiện đầy đủ được sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội	27	21,67	43	25,00	23	30,00	27	23,33	2,42	6
ĐTB chung										2,48	

Kết quả đánh giá của CBQL và GV về thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh (Bảng 1) cho thấy ĐTB chung đạt 2,48, nằm trong khoảng $1,75 < \bar{x} \leq 2,50$, tương ứng với mức Trung bình. Điều này cho thấy công tác kế hoạch hóa hoạt động giáo dục giới tính tại các trường đã được triển khai nhưng chưa đồng bộ, còn mang tính hình thức, chưa thật sự trở thành một hoạt động quản lý mang tính chiến lược trong tổ chức giáo dục mầm non.

Xét theo từng nội dung, kết quả cho thấy các tiêu chí có ĐTB ở mức Khá gồm: “Kế hoạch giáo dục giới tính được xây dựng riêng dựa trên phân tích thực trạng giáo dục giới tính của nhà trường” ($\bar{x} = 2,55$), “Kế hoạch giáo dục giới tính được tích hợp với kế hoạch giáo dục chung của toàn trường, của tổ chuyên môn và của GV” ($\bar{x} = 2,52$), và “Kế hoạch góp phần liên kết được mối quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức, kiểm tra, đánh giá” ($\bar{x} = 2,51$). Điều này phản ánh rằng một số trường đã bước đầu quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch dựa trên phân tích thực tiễn, đảm bảo sự liên kết giữa các yếu tố trong quá trình giáo dục, đồng thời tích hợp hoạt động giáo dục giới tính trong kế hoạch tổng thể của nhà trường. Đây là những tín hiệu tích cực cho thấy nhận thức của đội ngũ quản lý và GV về vai trò của công tác lập kế hoạch đã được nâng lên.

Tuy nhiên, các nội dung còn lại đạt mức Trung bình, trong đó “Kế hoạch giáo dục giới tính được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý chỉ đạo của cấp trên” có ĐTB 2,46 và “Kế hoạch hoạt động giáo dục giới tính thể hiện sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội” đạt 2,42. Những kết quả này cho thấy sự gắn kết giữa văn bản chỉ đạo và kế hoạch thực tế của các trường chưa chặt chẽ, công tác vận dụng quy định, hướng dẫn từ cấp quản lý còn hình thức. Đồng thời, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục (nhà trường – gia đình – xã hội) trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch vẫn còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả chung chưa cao.

Vì vậy, công tác kế hoạch hóa hoạt động giáo dục giới tính tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh đang ở mức Trung bình, thể hiện sự quan tâm ban đầu nhưng thiếu tính hệ thống, chiều sâu và tính khả thi. Kết quả này cho thấy các trường cần chú trọng hơn đến việc phân tích thực tiễn, cụ thể hóa văn bản chỉ đạo, đồng thời tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan nhằm bảo đảm kế hoạch giáo dục giới tính vừa phù hợp quy định, vừa gắn với điều kiện thực tế của từng đơn vị. Nhà trường cần chủ động xây dựng kế hoạch sao cho đồng bộ, thống nhất hơn, xác định các kế hoạch ưu tiên. Công tác lập kế hoạch giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo được xây dựng tích hợp với kế hoạch giáo dục chung của toàn trường, của tổ chuyên môn, của GV đã được triển khai, tuy nhiên chưa toàn diện, chưa bao quát được các nội dung và hình thức.

2.2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Nhằm đánh giá thực trạng công tác tổ chức hoạt động giáo dục giới tính của các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh tác giả khảo sát 120 CBQL và GV, kết quả thu được ở Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thành lập Ban chỉ đạo giáo dục giới tính cho trẻ tại trường	20	16,67	16	13,33	26	21,67	58	48,33	3,02	1
2	Chỉ rõ và giải thích được mục tiêu, yêu cầu, của kế hoạch giáo dục giới tính	24	20,00	33	27,50	18	15,00	45	37,50	2,70	4
3	Thực hiện sắp xếp bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm quản lý, huy động cơ sở vật chất, tài chính phục vụ cho thực hiện kế hoạch	11	9,17	35	29,17	50	41,67	24	20,00	2,73	3
4	CBQL cần định rõ tiến trình, tiến độ thực hiện	22	18,33	28	23,33	28	23,33	42	35,00	2,75	2

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
5	Huy động các nguồn lực ngoài trường để tiến hành giáo dục giới tính cho trẻ	26	21,67	29	24,17	32	26,67	33	27,50	2,60	6
6	Tổ chức môi trường giáo dục để thu hút GV và học sinh tham gia tích cực, phát huy vai trò chủ đạo của GV và vai trò tự giác, tích cực của trẻ	21	17,50	35	29,17	27	22,50	37	30,83	2,67	5
7	Xác định các nguồn lực cần huy động (cơ sở vật chất, kinh phí, nguồn nhân lực,...) cho giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	37	30,83	36	30,00	27	22,50	20	16,67	2,25	7
8	Xây dựng cơ chế phối hợp các lực lượng để giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	38	31,67	32	26,67	36	30,00	14	11,67	2,22	8

Kết quả đánh giá ở Bảng 2 cho thấy ĐTB chung đạt 2,56, thuộc mức Khá ($2,50 < \bar{x} \leq 3,25$). Điều này phản ánh rằng các trường đã bước đầu chủ động triển khai và duy trì tương đối hiệu quả công tác tổ chức hoạt động giáo dục giới tính, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế cần được cải thiện để nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả thực chất.

Xét theo từng tiêu chí, nội dung đạt ĐTB cao nhất ($\bar{x} = 3,02$) là “Thành lập Ban chỉ đạo giáo dục giới tính cho trẻ tại trường”, xếp thứ nhất trong tám nội dung khảo sát. Kết quả này cho thấy các trường đã có sự quan tâm và tuân thủ bước khởi đầu quan trọng trong quy trình tổ chức, thể hiện vai trò quản lý, chỉ đạo của ban giám hiệu và tổ chuyên môn trong việc tổ chức giáo dục giới tính cho trẻ. Đây là nền tảng cần thiết giúp công tác triển khai được định hướng và giám sát chặt chẽ.

Ba tiêu chí khác cũng đạt mức Khá, gồm: “CBQL định rõ tiến trình, tiến độ thực hiện” ($\bar{x} = 2,75$), “Thực hiện sắp xếp bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm, huy động cơ sở vật chất, tài chính” ($\bar{x} = 2,73$), và “Chỉ rõ, giải thích được mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch giáo dục giới tính” ($\bar{x} = 2,70$). Các kết quả này phản ánh rằng hoạt động tổ chức giáo dục giới tính đã có kế hoạch, phân công, và điều hành tương đối cụ thể, thể hiện năng lực quản lý và tính chủ động nhất định của các hiệu trưởng và tổ chuyên môn trong quá trình triển khai.

Tuy nhiên, một số nội dung đạt mức Trung bình cho thấy còn nhiều bất cập trong thực tiễn. Cụ thể, tiêu chí “Tổ chức môi trường giáo dục để thu hút GV và học sinh tham gia tích cực” ($\bar{x} = 2,67$) vẫn chỉ ở mức Khá thấp, phản ánh môi trường giáo dục giới tính chưa thật sự hấp dẫn và tạo động lực cho GV, trẻ tham gia một cách tự nhiên, hiệu quả. Đặc biệt, hai tiêu

chỉ có ĐTB thấp nhất là “Xác định các nguồn lực cần huy động cho giáo dục giới tính” ($\bar{x} = 2,25$) và “Xây dựng cơ chế phối hợp các lực lượng để giáo dục giới tính cho trẻ” ($\bar{x} = 2,22$), đều ở mức Trung bình. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong công tác huy động và quản lý nguồn lực, cũng như hạn chế trong việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội - yếu tố vốn có vai trò quan trọng đối với hiệu quả giáo dục giới tính trong bậc học mầm non.

Từ kết quả trên có thể nhận định rằng: công tác tổ chức hoạt động giáo dục giới tính tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh đã được triển khai từng bước, có sự quan tâm chỉ đạo và phân công nhiệm vụ rõ ràng, song vẫn còn mang tính đơn lẻ, thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ và huy động nguồn lực hiệu quả. Do đó, trong thời gian tới, các trường cần tăng cường sự phối hợp liên ngành, đa lực lượng và đầu tư hơn về cơ sở vật chất, đội ngũ và tài liệu hướng dẫn để hoạt động giáo dục giới tính thực sự trở thành một phần bền vững, thường xuyên trong môi trường giáo dục mầm non.

2.2.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Nhằm đánh giá thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, tác giả khảo sát 120 CBQL và GV, kết quả thu được được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non thông qua hoạt động dạy học	24	20,00	27	22,50	35	29,17	34	28,33	2,66	1
2	Chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo thông qua các môn học trên lớp	25	20,83	31	25,83	30	25,00	34	28,33	2,61	2
3	Chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động giáo dục ngoài trên lớp	19	15,83	35	29,17	41	34,17	25	20,83	2,60	3
4	Chỉ đạo thực hiện giáo dục giới tính thông qua hoạt động sinh hoạt tập thể của trẻ	26	21,67	40	33,33	26	21,67	28	23,33	2,47	5
5	Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực GV về giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	28	23,33	41	34,17	35	29,17	16	13,33	2,33	6

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
6	Chỉ đạo phối hợp các lực lượng để giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	19	15,83	35	29,17	41	34,17	25	20,83	2,60	3
ĐTB chung										2,51	

Kết quả khảo sát cho thấy ĐTB chung đạt 2,51, nằm ở mức Khá ($2,50 < \bar{x} \leq 3,25$). Điều này phản ánh rằng công tác chỉ đạo của Ban giám hiệu các trường đã được triển khai tương đối đồng bộ, song chưa thật sự sâu rộng và thiếu tính thường xuyên trong một số khâu quan trọng như bồi dưỡng GV và phối hợp các lực lượng giáo dục.

Cụ thể, tiêu chí đạt ĐTB cao nhất là “Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ thông qua hoạt động dạy học” ($\bar{x} = 2,66$), cho thấy hình thức lồng ghép giáo dục giới tính trong quá trình dạy học chính khóa đã được các trường quan tâm, xem như kênh chính để giáo dục trẻ. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh sự linh hoạt của CBQL trong việc tích hợp nội dung giáo dục giới tính với chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ hiện hành.

Các tiêu chí “Chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình giáo dục giới tính thông qua các môn học trên lớp” ($\bar{x} = 2,61$), “Chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình giáo dục giới tính thông qua hoạt động giáo dục ngoài lớp” ($\bar{x} = 2,60$), và “Chỉ đạo phối hợp các lực lượng để giáo dục giới tính cho trẻ” ($\bar{x} = 2,60$) đều đạt mức Khá, cho thấy hiệu trưởng đã chú trọng chỉ đạo việc lồng ghép, phối hợp giữa các hoạt động học tập và trải nghiệm, tạo môi trường đa dạng giúp trẻ được tiếp cận nội dung giáo dục giới tính một cách tự nhiên và phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Tuy nhiên, mức điểm này vẫn chưa cao, phản ánh công tác chỉ đạo vẫn còn thiếu sự đồng bộ giữa các hình thức giáo dục, đặc biệt là giữa hoạt động trong lớp, ngoài lớp và phối hợp với phụ huynh.

Ở chiều ngược lại, hai nội dung có ĐTB thấp nhất là “Chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao năng lực GV về giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo” ($\bar{x} = 2,33$) và “Chỉ đạo thực hiện giáo dục giới tính thông qua hoạt động sinh hoạt tập thể của trẻ” ($\bar{x} = 2,47$), đều ở mức Trung bình ($1,75 < \bar{x} \leq 2,50$). Điều này cho thấy công tác chỉ đạo bồi dưỡng chuyên môn và phát huy vai trò của hoạt động tập thể trong giáo dục giới tính chưa được chú trọng đúng mức. Trong khi đó, hai nội dung này lại là yếu tố then chốt để lan tỏa nhận thức và hình thành hành vi đúng đắn cho trẻ trong môi trường mầm non.

Như vậy, có thể khẳng định rằng: công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục giới tính tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh đã được triển khai có hệ thống, bám sát kế hoạch, nhưng còn thiếu tính chiến lược và chưa đồng bộ giữa các khâu. Đặc biệt, việc bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV và cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục cần được tăng cường hơn nữa để bảo đảm tính thống nhất, bền vững và hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính trong nhà trường.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Nhằm đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giới tính của các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh tác giả khảo sát xin ý kiến của 120 CBQL và GV, kết quả thu được ở Bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng được chuẩn các tiêu chí kiểm tra đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính cho trẻ	20	16,67	34	28,33	45	37,50	21	17,50	2,56	4
2	Xây dựng được nội dung kiểm tra đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	23	19,17	29	24,17	37	30,83	31	25,83	2,63	2
3	Xây dựng được phương pháp, hình thức, thời gian kiểm tra đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	25	20,83	38	31,67	26	21,67	31	25,83	2,53	5
4	Triển khai kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính trẻ đến các bộ phận trong nhà trường	19	15,83	28	23,33	47	39,17	26	21,67	2,67	1
5	Phát hiện, điều chỉnh các sai lệch chưa phù hợp trong quá trình triển khai giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	23	19,17	35	29,17	40	33,33	22	18,33	2,51	6
6	Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và điều chỉnh hoạt động quản lý giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo	27	22,50	28	23,33	35	29,17	30	25,00	2,57	3
7	Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra giáo dục giới tính thông qua dạy học bằng hình thức dự giờ	35	29,17	43	35,83	30	25,00	12	10,00	2,16	8

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá								ĐTB	XH
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
8	Kiểm tra các nhiệm vụ quán triệt và tổ chức thực hiện của tổ chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, kế hoạch chuyên môn của GV về giáo dục giới tính	39	32,50	32	26,67	30	25,00	19	15,83	2,24	7
ĐTB chung										2,48	

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy ĐTB chung đạt 2,48, nằm ở mức Trung bình ($1,75 < \bar{x} \leq 2,50$). Điều này phản ánh rằng, công tác kiểm tra, đánh giá tuy đã được triển khai tại các trường nhưng chưa thật sự bài bản, còn mang tính hình thức, thiếu tính hệ thống và chưa phát huy được vai trò phản hồi, điều chỉnh đối với hoạt động quản lý giáo dục giới tính.

Cụ thể, tiêu chí có ĐTB cao nhất là “Triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính đến các bộ phận trong nhà trường” ($\bar{x} = 2,67$, xếp hạng 1), cho thấy đa số hiệu trưởng đã chú trọng phổ biến kế hoạch kiểm tra tới các tổ, bộ phận chuyên môn, bảo đảm tính thống nhất trong quá trình thực hiện. Các tiêu chí “Xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý giáo dục giới tính” ($\bar{x} = 2,63$, xếp hạng 2), “Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và điều chỉnh hoạt động” ($\bar{x} = 2,57$, xếp hạng 3) và “Xây dựng chuẩn các tiêu chí kiểm tra, đánh giá” ($\bar{x} = 2,56$, xếp hạng 4) đều đạt mức Khá, phản ánh nỗ lực của ban giám hiệu trong việc hình thành khung nội dung và tiêu chí đánh giá cơ bản cho hoạt động này. Tuy nhiên, mức điểm vẫn chỉ ở ngưỡng thấp của mức Khá, chứng tỏ các tiêu chí và nội dung kiểm tra chưa thật sự cụ thể, chưa gắn chặt với mục tiêu giáo dục giới tính và đặc thù của từng trường.

Trong khi đó, các tiêu chí có ĐTB thấp nhất là “Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra giáo dục giới tính thông qua dự giờ dạy học” ($\bar{x} = 2,16$, xếp hạng 8) và “Kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện của tổ chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, kế hoạch chuyên môn của GV” ($\bar{x} = 2,24$, xếp hạng 7). Hai tiêu chí này đều nằm ở mức Trung bình, cho thấy công tác kiểm tra trực tiếp thông qua hoạt động giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn chưa được chú trọng. Điều này dẫn đến thiếu kênh phản hồi thực tế về năng lực và mức độ vận dụng kiến thức giáo dục giới tính của GV trong quá trình dạy học.

Ngoài ra, tiêu chí “Phát hiện, điều chỉnh sai lệch trong quá trình triển khai giáo dục giới tính” ($\bar{x} = 2,51$) chỉ vừa chạm ngưỡng Khá, phản ánh việc sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh, cải tiến hoạt động quản lý chưa thực sự hiệu quả. Nhiều trường chưa hình thành cơ chế phản hồi hai chiều giữa kiểm tra – điều chỉnh – cải tiến, khiến công tác quản lý thiếu tính liên tục và cải tiến thường xuyên.

Từ kết quả trên có thể nhận thấy rằng, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giới tính tại các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh mới chỉ dừng lại ở mức độ triển khai hình thức, thiếu sự đầu tư chiều sâu về nội dung và phương pháp. Do đó, trong thời gian tới, cần xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá cụ thể, gắn với mục tiêu phát triển năng lực GV và kết quả giáo dục giới tính của trẻ; đồng thời tăng cường hoạt động kiểm tra thông qua dự giờ, sinh hoạt chuyên đề và phản hồi trực tiếp để đảm bảo hiệu quả thực chất của công tác quản lý.

3. Kết luận

Từ kết quả khảo sát thực trạng, có thể nhận định rằng hoạt động giáo dục giới tính và công tác quản lý giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non công lập trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả ban đầu tích cực. Các nhà trường đã bước đầu quan tâm lồng ghép nội dung giáo dục giới tính vào chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ một cách phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Đội ngũ CBQL và GV phần lớn có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của giáo dục giới tính trong việc hình thành nhân cách và kỹ năng sống cho trẻ. Sự phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh từng bước được chú trọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai giáo dục giới tính theo hướng thực tiễn và khoa học.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý hoạt động giáo dục giới tính vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: một bộ phận CBQL và GV chưa thật sự đầu tư chiều sâu cho nội dung này; việc lập kế hoạch ở một số đơn vị còn mang tính hình thức, chưa sát với thực tế; nội dung giáo dục giới tính còn đơn giản, thiếu tính hệ thống và tích hợp; công tác kiểm tra, đánh giá chưa được tiến hành thường xuyên, còn thiên về hình thức; sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính chưa thật sự chặt chẽ và thiếu định hướng rõ ràng.

Những kết quả phân tích trên là căn cứ thực tiễn quan trọng để các trường mầm non trên địa bàn huyện Bình Chánh xem xét, đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo trong giai đoạn tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, N. O. (2006). *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*. Hà Nội: NXB giáo dục.
- Bùi, T. T., Nguyễn, T. V. A., & Phạm, M. H. (2010). *Giáo dục giới tính cho trẻ em*. Hà Nội: NXB Văn Hoá Thông Tin.
- Dương, T. D. H. (2011). *Giáo trình tâm lý học phát triển*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, V. T. (2009). *Những điều phụ huynh cần biết*. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Phạm, T. M. H. (2014). *Quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh trường trung học cơ sở thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- Quốc hội. (2004). *Luật số 25/2004/QH11, ngày 25 tháng 6 năm 2004 về Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*.
- Quốc hội. (2016). *Luật số 102/2016/QH13, ngày 05 tháng 4 năm 2016 về Luật Trẻ em*.
- Trương, H. (2019). *Nguyên nhân dẫn đến xâm hại tình dục ở trẻ, và những điều cha, mẹ cần biết*. Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Giang.
- Viện Nghiên cứu khoa học và giáo dục. (2019). *Chương trình giáo dục giới tính Era: Kỹ năng phòng tránh xâm hại dành cho trẻ 3 - 5 tuổi*. Thành phố Hồ Chí Minh.